

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm;

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Bảo Tr, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Hồng Thế A, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Trần Bảo Tr trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Trần Bảo Tr và ông Hồng Thế A kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thế A không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về là kiểm chuyện đập đồ trong nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, gia đình có hàn gắn nhưng không thành và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên bà Trần Bảo Tr xin được ly hôn với ông Hồng Thế A.

- Về con chung: Có 01 người con tên Hồng Bảo P, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2006 (nam), hiện sống chung với bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Hồng Thế A:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông Thế A không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Tr. Đồng thời, Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng ông Thế A vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Bảo Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Hồng Thế A Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông Thế A, nhưng ông Thế A vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Hồng Thế A.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Tr và ông Thế A kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 09 tháng 6 năm 2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Tr và ông Thế A được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, bà Tr xin ly hôn với ông Thế A là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Thế A không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về là kiểm chuyện đập đồ trong nhà dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, gia đình có hàn gắn nhưng không thành và hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Về phía ông Thế A đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Thế A vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà Tr, từ đó cho thấy ông Thế A cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà Tr với ông Thế A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Tr và ông Thế A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân

không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr. Bà Tr được ly hôn với ông Thế A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà Tr xác định có 01 người con tên Hồng Bảo P, sinh ngày 02/5/2006 (nam), hiện sống chung với bà Tr. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã nhận được đơn trình bày nguyện vọng của cháu Hồng Bảo P thì cháu P có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Hồng Bảo P, sinh ngày 02/5/2006 (nam) cho bà Tr có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Thế A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà Tr phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Bảo Tr. Bà Trần Bảo Tr được ly hôn với ông Hồng Thế A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Trần Bảo Tr nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Hồng Bảo P, sinh ngày 02/5/2006 (nam).

Ông Thế A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà Tr phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà Tr có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008222 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND Phường 6, TP Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo